

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN ĐBT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 15/02/2023

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		RP2+RC5+PPD ↗ ₇	7:25	16+6+0	0+0+0		0+3+1	0+0+0	chuyen 7 rc5-ppd
2		PVD1+MRM+TD5	7:25	11+9+0	0+0+0		12+8+2	0+0+0	
3		TD2+BK5+P2 ↘ ₆	7:25	22+0+0	0+0+0		15+0+0	0+0+0	chuyen 6 bk5-p2
4		P4+P8+TTC1	9:25	15+7+0	0+0+0		8+7+4	0+0+0	
5		P8+CTK3+MRM	9:25	3+9+10	0+0+0		0+2+15	0+0+0	
6		RP1+PVD1+P11	11:25	6+12+1	0+0+0		0+10+3	0+0+0	
7		VSP01+P1+P9 ↘ ₂	11:25	17+0+4	0+0+0		3+1+1	0+0+0	Chuyen 2 P1-P9

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
2 người Rc5 về đi P8

FLIGHT MANIFEST

DATE: 15/02/2023	TO: RP2 - RC5 - PPD	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: KHOÀN - CHIẾN - Toàn	ETA: 09:10
xanh-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN BÌNH LONG	RP2	55	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
2	TÀ QUANG CUÔNG	RP2	45-46	2	12		74	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYỄN XUÂN KHOA	RP2	34-35	2	18		65	XAYLAP	Vietnamese
4	PHAN THÀNH SƠN	RP2	47-48	2	18		65	XAYLAP	Vietnamese
5	LÊ KHANH	RP2	49-50	2	18		65	XAYLAP	Vietnamese
6	LƯU SÙNG BA	RP2	51	1	5		60	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYỄN VIỆT HÙNG	RP2	52-53	2	15		65	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYỄN TRƯỜNG BIÊN	RP2	54	1	7	60	72	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYỄN DUY DƯƠNG	RP2	43-44	2	18		70	XAYLAP	Vietnamese
10	LÊ VĂN LAM	RP2	37-38	2	18		76	XAYLAP	Vietnamese
11	LÊ CÔNG BÌNH	RP2	41-42	2	18		60	XAYLAP	Vietnamese
12	BUI CÔNG ĐỊNH	RP2	39-40	2	17		110	XAYLAP	Vietnamese
13	HOANG TRUNG DUC	RP2	36	1	5		76	PSV	Vietnamese
14	TRỊNH ĐỨC HẠNH	RP2	56	1	5		70	NHATHAU	Vietnamese
15	NGUYỄN VIỆT GIANG	RP2	57-58	2	17		76	NHATHAU	Vietnamese
16	PHAN TRUNG HỘI	RP2	59-61	3	16		68	NHATHAU	Vietnamese
17	VU TUAN ANH	RC5	03	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
18	HOANG DUY KHANH	RC5	05-06	2	13		70	PVD-BH	Vietnamese
19	BUI VAN QUAN	RC5	04	1	5		70	PVD-BH	Vietnamese
20	TRẦN NGỌC TIN	RC5	07-08	2	10	5	60	TOS	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN THUẬN	RC5	09	1	5		75	TOS	Vietnamese
22	ZEMLIANOV K.IO	RC5	02	1	5		68	NIPI	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP2	16	28	212	1.152	60	0		CHUYEN 07 PAX TU RC5 SANG PPD
2	RC5	6	8	43	413	5	3		
3	PPD	0	0	0	0	0	1		
TOTAL		22	36	255	1.565	65	4		
WEIGHT KG				255	1.565	65			

GRAND TOAL: 1.885 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN






FLIGHT MANIFEST

DATE: 15/02/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	TO: PVD1 - MRM - TD5	CREW: Linh - TTrung - NNam	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN ĐĂNG PHƯỚC	PVD1	11	1	13		75	PVD DD	Vietnamese
2	VŨ HÙNG MẠNH	PVD1	12	1	5		68	PVD DD	Vietnamese
3	LÊ NGUYỄN VŨ	PVD1	15	1	7		78	PVDO	Vietnamese
4	NGUYỄN NGỌC LÊ	PVD1	17	1	7		76	KHOAN	Vietnamese
5	PHẠM HỒNG THẮNG	PVD1	23	1	9		70	PVDO	Vietnamese
6	LÊ BA LONG	PVD1	14	1	7		61	PVDO	Vietnamese
7	ĐẠO XUÂN AN	PVD1	98	1	10		85	PVDO	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN THƠM	PVD1	300	1	5		52	PVDO	Vietnamese
9	HỒ TRỌNG ĐOÀN	PVD1	13	1	10		75	PVDO	Vietnamese
10	VŨ VĂN TOÀN	PVD1	24	1	5		63	PVDO	Vietnamese
11	HOÀNG VĂN MẠO	PVD1	99	1	4		65	PVDO	Vietnamese
12	SUKHANOV EGOR	MRM	79	1	20		100	AMNGR	Russian
13	RULEV SEMEN	MRM	74	1	15		115	AMNGR	Russian
14	ILMENTEV ANDREI	MRM	73	1	12		68	AMNGR	Russian
15	KVATERA ANDREI	MRM	71-72	2	18		101	AMNGR	Russian
16	MANAKOV DENIS	MRM	69-70	2	20		86	AMNGR	Russian
17	TARANENKO ALEKSEI	MRM	80	1	15		122	AMNGR	Russian
18	SHURUPOV PAVEL	MRM	77-78	2	18		88	AMNGR	Russian
19	ZASTAVNYI VASILII	MRM	75	1	12		75	AMNGR	Russian
20	CHERNIATEV KIRILL	MRM	76	1	12		75	AMNGR	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD1	11	11	82	768	0	12		
2	MRM	9	12	142	830	0	8		
3	TD5	0	0	0	0	0	2		
TOTAL		20	23	224	1.598	0	22		
WEIGHT KG				224	1.598	0			

GRAND TOAL: 1.822 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 15/02/2023	TO: TD2 - BK5 - P2	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:40
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: L Hải - H Đức - ĐANG	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ TUÂN NGHĨA	TD2	74	1	5	40	71	KHOAN	Vietnamese
2	ĐÌNH DUY HAI	TD2	77	1	9		76	KHOAN	Vietnamese
3	HA VĂN LINH	TD2	78	1	9		92	KHOAN	Vietnamese
4	LÊ MINH ĐỨC	TD2	70	1	3		86	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN DUÂN	TD2	59	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
6	ĐÌNH VĂN TÀI	TD2	66	1	3		50	KHOAN	Vietnamese
7	LÊ XUÂN PHƯƠNG	TD2	72	1	8		68	KHOAN	Vietnamese
8	PHẠM ĐÌNH BẢO	TD2	64	1	7		63	KHOAN	Vietnamese
9	ĐOÀN HIẾU	TD2	62	1	8		75	KHOAN	Vietnamese
10	LÊ VĂN NAM	TD2					79	KHOAN	Vietnamese
11	VŨ THẬP TOÀN	TD2					65	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN CHÍ ĐỨC	TD2	73	1	3		55	KHOAN	Vietnamese
13	ĐÌNH VĂN HUÂN	TD2	71	1	3		78	KHOAN	Vietnamese
14	PHẠM VĂN HÙNG	TD2	68	1	3		71	KHOAN	Vietnamese
15	CÙ THANH NHAN	TD2	67	1	3		64	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYỄN MẠNH HOAN	TD2	63	1	2		60	KHOAN	Vietnamese
17	DƯƠNG QUỐC VIỆT	TD2	85	1	5		82	KHOAN	Vietnamese
18	VŨ ANH TUÂN	TD2	75	1	7	18	70	CODIEN	Vietnamese
19	NGUYỄN VŨ HÙNG	TD2	76	1	11		86	CODIEN	Vietnamese
20	ĐỖ QUỐC THANH MINH	TD2	69	1	12		90	CODIEN	Vietnamese
21	TẠ HOÀI TRĂNG	TD2	65	1	10		73	ANTOAN	Vietnamese
22	PHẠM VĂN ĐỖ	TD2	60-61	2	10		62	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

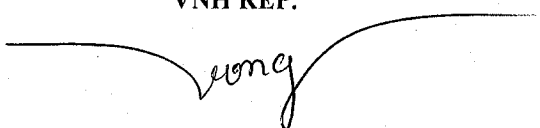
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	22	21	126	1.576	58	15		CHUYEN 6 KH TU BK5 SANG P2
2	BK5	0	0	0	0	0	46		
3	P2	0	0	0	0	20	0		
TOTAL		22	21	126	1.576	78	15		
WEIGHT KG				126	1.576	78			

GRAND TOAL: 1.780 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN




FLIGHT MANIFEST

DATE: 15/02/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:40
FLIGHT: 04	TO: P4 - P8 - TTC1	CREW: KHOÀN - CHIẾN - Toàn	ETA: 11:20
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DƯƠNG VĂN TUÂN	P4	18-19	2	18		65	XAYLAP	Vietnamese
2	VÕ VĂN HIỆP	P4	53-54	2	19		72	XAYLAP	Vietnamese
3	DƯƠNG MINH HOÀNG	P4	55	1	12		65	XAYLAP	Vietnamese
4	CHU TIẾN CUÔNG	P4	21-22	2	18	10	56	XAYLAP	Vietnamese
5	LÊ ĐỨC THỌ	P4	14-15	2	18		70	XAYLAP	Vietnamese
6	BUI TRỌNG HỘI	P4	56	1	18		67	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYỄN SĨ HAI	P4	23	1	15		55	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYỄN TUÂN ĐẠT	P4	24,27	2	18		82	XAYLAP	Vietnamese
9	ĐÀO QUỐC HÙNG	P4	16-17	2	18		70	XAYLAP	Vietnamese
10	TRAN VAN MINH	P4	25-26	2	19		67	XAYLAP	Vietnamese
11	PHẠM VĂN LONG	P4	20	1	18		70	XAYLAP	Vietnamese
12	ĐỖ DANH NGỌC	P4	51-52	2	19		80	XAYLAP	Vietnamese
13	LÊ VĂN KHANH	P4	57-58	2	19		63	XAYLAP	Vietnamese
14	LÊ HUY CHUÔNG	P4	59-60	2	19		72	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYEN VAN HANG	P4	47	1	10		70	XAYLAP	Vietnamese
16	MAKAROV EVGENY	P8	59	1	12		88	ANTOAN	Russian
17	HÀ VĂN THIÊN	P8	60	1	7		72	PSV	Vietnamese
18	NGUYỄN THANH TÙNG	P8	65	1	10		72	PSV	Vietnamese
19	HOANG VAN CÔNG	P8	61	1	5		56	PSV	Vietnamese
20	PHẠM ANH TUÂN	P8	63-64	2	10		70	PSV	Vietnamese
21	PHẠM BA KHANH	P8	62	1	10		70	PSV	Vietnamese
22	LÊ ANH TUÂN	P8	58	1	5		65	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	15	25	258	1.024	10	8		
2	P8	7	8	59	493	0	7		
3	TTC1	0	0	0	0	20	4		
TOTAL		22	33	317	1.517	30	19		
WEIGHT KG				317	1.517	30			

GRAND TOAL: 1.864 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 15/02/2023	TO: P8 - CTK3 - MRM	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:45
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: Linh - TTrung - NNam	ETA: 11:25
VANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐINH VĂN THIÊN *	P8	95-96	2	18		58	XAYLAP	Vietnamese
2	LÊ HUY *	P8	97	1	15	10	65	XAYLAP	Vietnamese
3	HA TAN DUOC	P8	94	1	5	25	75	PSV	Vietnamese
4	LÊ HỒNG ĐẠI	CTK3	02	1	5		74	D-HANH	Vietnamese
5	TRẦN VĂN KHUÔNG	CTK3	65	1	8		80	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN QUANG VINH	CTK3	05	1	5		100	KH-THAC	Vietnamese
7	HOÀNG THAI TAI	CTK3	69-70	2	12		78	XAYLAP	Vietnamese
8	TRẦN QUỐC THỊNH	CTK3	03	1	6		55	XAYLAP	Vietnamese
9	KUPEEB M.B	CTK3	06	1	5		86	NIPI	Russian
10	ĐẶNG THẾ ANH	CTK3	04	1	5		70	NIPI	Vietnamese
11	LÊ XUÂN HUƠNG	CTK3	97-99	3	19		53	BA SON	Vietnamese
12	ĐOÀN QUANG KHANH	CTK3	300,01	2	15		56	BA SON	Vietnamese
13	MOSHKIN SEGEI	MRM	56-57	2	18		75	AMNGR	Russian
14	MAKSHANTSEV EVGENY	MRM	55	1	12		82	AMNGR	Russian
15	TRẦN QUANG HUNG	MRM	58	1	10		76	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYỄN VIỆT TRUNG	MRM	61	1	12		86	KHOAN	Vietnamese
17	NGÔ THANH SƠN	MRM	51	1	10		73	DVL	Vietnamese
18	LUƠNG NGỌC HOÀNG	MRM	54	1	7		75	DVL	Vietnamese
19	NGUYỄN VIỆT SƯ	MRM				101	62	VTB	Vietnamese
20	NGUYỄN XUÂN SƠN	MRM	65-66	2	15		68	VTB	Vietnamese
21	HOANG VAN THU	MRM	52	1	10		70	PSV	Vietnamese
22	NGUYEN CHI HIEU	MRM	53	1	9		75	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

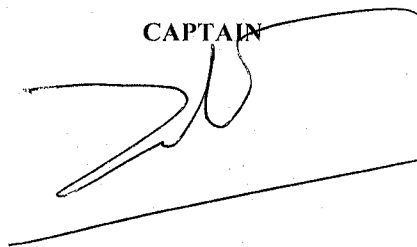
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P8	3	4	38	198	35	0		1 NOI BO: DANG THANH HOANG-GHE PHU
2	CTK3	9	13	80	652	0	2		
3	MRM	10	11	103	742	101	15		
TOTAL		22	28	221	1.592	136	17		
WEIGHT KG				221	1.592	136			

GRAND TOAL: 1.949 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 15/02/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 12:00
FLIGHT: 06	TO: RP1 - PVD1 - P11	CREW: CHIẾN - ĐNam - Huy	ETA: 13:40
XANH-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VŨ TRƯỜNG GIANG	RP1	53	1	14	20	70	DVL	Vietnamese
2	ĐÀO ANH HUYNH	RP1	51-52	2	20		70	DVL	Vietnamese
3	NGUYỄN MẠNH TRƯỞNG	RP1	46	1	15		84	DVL	Vietnamese
4	ĐOÀN MINH HƯƠNG	RP1	49-50	2	13		60	DVL	Vietnamese
5	PHẠM VĂN ĐẠM	RP1	47	1	11		71	DVL	Vietnamese
6	NGUYỄN MINH THAO	RP1	48	1	19		71	DVL	Vietnamese
7	CAO HỮU PHƯỚC	PVD1	32	1	6		57	PVDO	Vietnamese
8	VŨ VĂN TRUNG	PVD1	31	1	9		73	PVDO	Vietnamese
9	NGUYỄN GIANG TRUNG	PVD1	22-23	2	14		70	INTL.SOS	Vietnamese
10	TRẦN CÔNG PHONG	PVD1	33-34	2	8		75	PSV	Vietnamese
11	LƯU NGỌC TRUNG	PVD1	18	1	12		61	PSV	Vietnamese
12	BUI XUÂN ĐIẾP	PVD1	26	1	8		67	PSV	Vietnamese
13	NGUYỄN QUỐC HUY	PVD1	24-25	2	16		55	PSV	Vietnamese
14	TRƯƠNG QUANG MINH	PVD1	21	1	14		63	PVD DD	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN LINH	PVD1	27	1	14		70	DVL	Vietnamese
16	BUI BẠCH DƯƠNG	PVD1	28	1	12	40	70	DVL	Vietnamese
17	NGUYỄN ANH TUẤN	PVD1	19-20	2	10		75	DVL	Vietnamese
18	NGUYỄN HOANG ANH DŨNG	PVD1	29-30	2	14	10	70	DVL	Vietnamese
19	ĐINH QUANG SƠN	P11	43,81	2	20	20	56	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

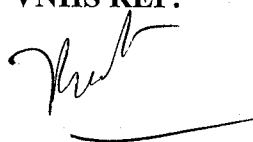
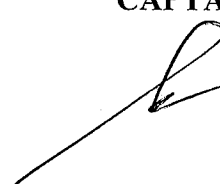
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP1	6	8	92	426	20	0		
2	PVD1	12	17	137	806	50	10		
3	P11	1	2	20	56	20	3		
TOTAL		19	27	249	1.288	90	13		
WEIGHT KG				249	1.288	90			

GRAND TOAL: 1.627 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 15/02/2023	TO: VSP01 - P1 - P9	AIRCRAFT: 410	ETD: 12:05
FLIGHT: 07	FROM: VT	CREW: Dương - MTHAO - THỤ	ETA: 13:45
TRANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	SABITOV ALEXEY	VSP01	17	1	5		78	KH-THAC	Russian
2	LÊ VĂN LAM	VSP01	21-22	2	10		72	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ TRƯỜNG SA	VSP01					69	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN CAO	VSP01	15	1	13		66	CODIEN	Vietnamese
5	TRỊNH NGỌC TỰ	VSP01	04	1	6		75	CODIEN	Vietnamese
6	NGUYỄN HỒNG ĐIẾP	VSP01	14	1	10		70	CODIEN	Vietnamese
7	HÀ MẠNH HOÀNG	VSP01	07	1	8		75	CODIEN	Vietnamese
8	PHẠM XUÂN HẢI	VSP01	10-11	2	14	70	73	CODIEN	Vietnamese
9	MAI ĐÌNH KHANG	VSP01	16	1	8		49	CODIEN	Vietnamese
10	NGUYỄN ĐÌNH PHƯƠNG	VSP01	12	1	14	20	81	CODIEN	Vietnamese
11	LƯU HỒ ANH	VSP01	05	1	10		80	CODIEN	Vietnamese
12	VŨ VĂN TÍNH	VSP01	03	1	10		72	CODIEN	Vietnamese
13	TRỊNH HOÀI ĐỨC	VSP01	08-09	2	19		75	CODIEN	Vietnamese
14	NGUYỄN QUỐC ANH	VSP01	06	1	5		67	CODIEN	Vietnamese
15	PHẠM HUY ĐÀU	VSP01	23-24	2	19		70	PSV	Vietnamese
16	ĐẶNG BÌNH TÂM	VSP01	18	1	6		60	PSV	Vietnamese
17	NGUYỄN THANH TẾ	VSP01	19-20	2	15		73	PSV	Vietnamese
18	BUI LONG KHANH	P9	65	1	10	20	57	NAMTIEN	Vietnamese
19	NGUYỄN HOANG HAI NAM	P9	61-62	2	18		61	NAMTIEN	Vietnamese
20	TRUONG HUU VUONG	P9	64	1	12		80	NAMTIEN	Vietnamese
21	TRAN MINH DAI	P9	63	1	10		72	NAMTIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP01	17	21	172	1.205	90	3		CHUYEN 2 PAX P1-P9
2	P1	0	0	0	0	0	1+2		
3	P9	4	5	50	270	20	3		
TOTAL		21	26	222	1.475	110	7		
WEIGHT KG				222	1.475	110			

GRAND TOAL: 1.807 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN